



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Địa ốc Chợ Lớn

Ngày 30/06/2025	13,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.6%	2.3%	18.7%

DT thuần Q2/25
4.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.27 91.0%
YoY: ▲ 2.35 97.3%

LN thuần Q2/25
0.92
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.84 1048%
YoY: ▲ 0.90 4490%

LN sau thuế Q2/25
0.56
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.49 696%
YoY: ▲ 0.15 35.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
24.0%
YoY: +/- ▲ 20.7%

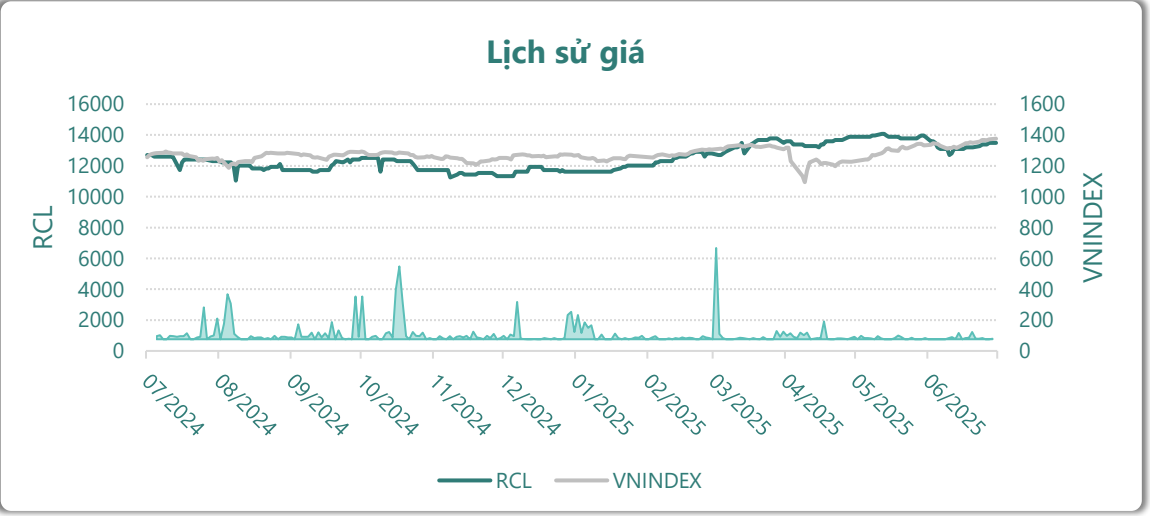
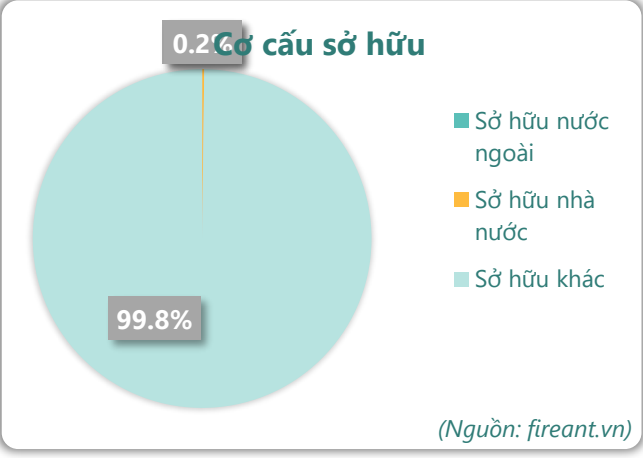
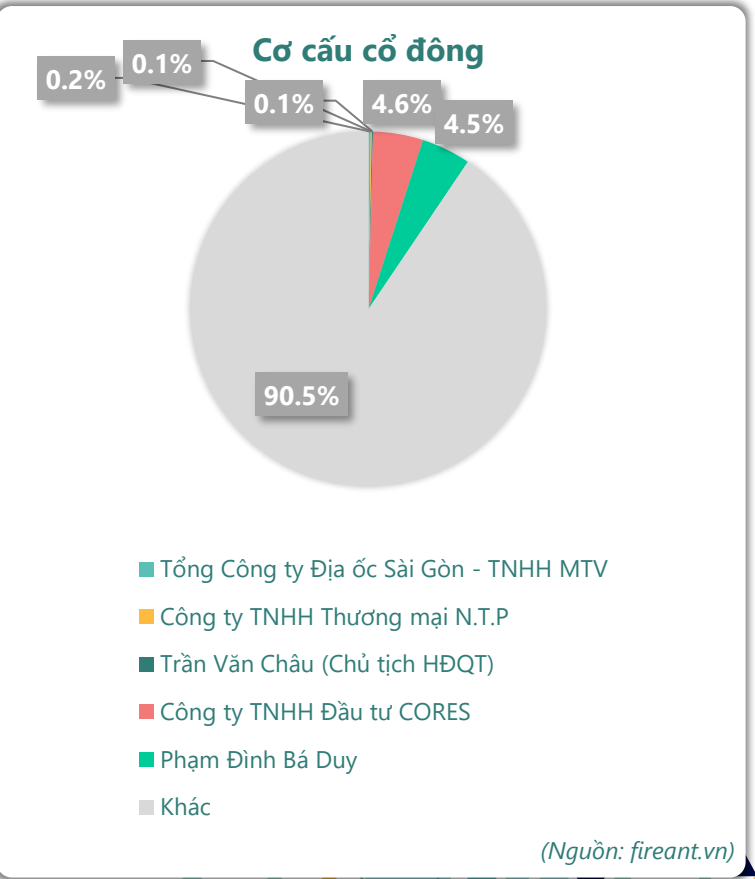
ROE (TTM) Q2/25
0.6%
YoY: +/- ▲ 0.1%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,043 - 14,073
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	191
Số lượng CPLH (CP)	13,858,714
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,845
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.08
EPS	132
P/E	104.7

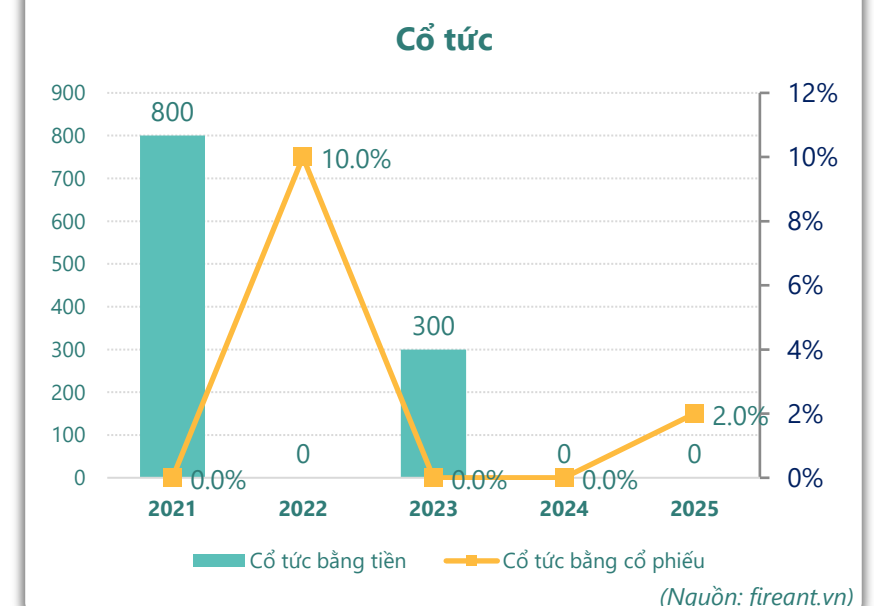
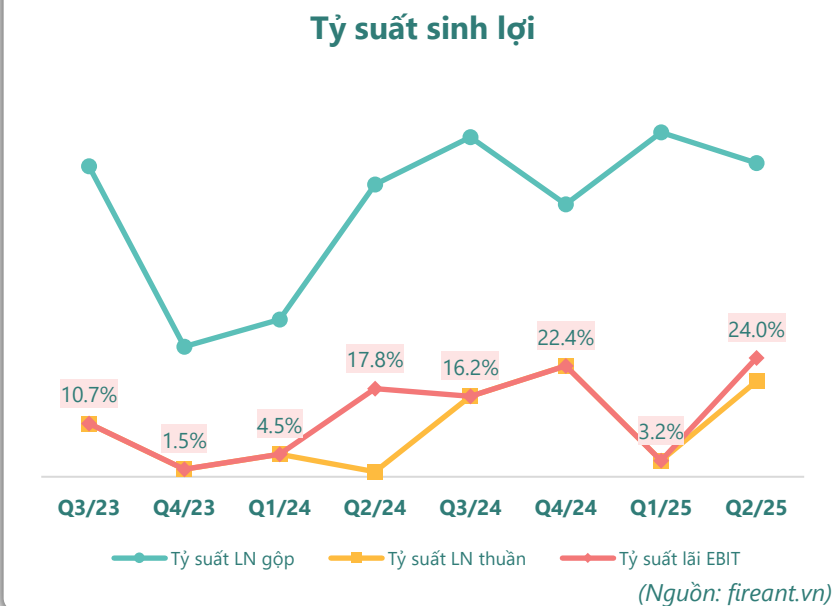
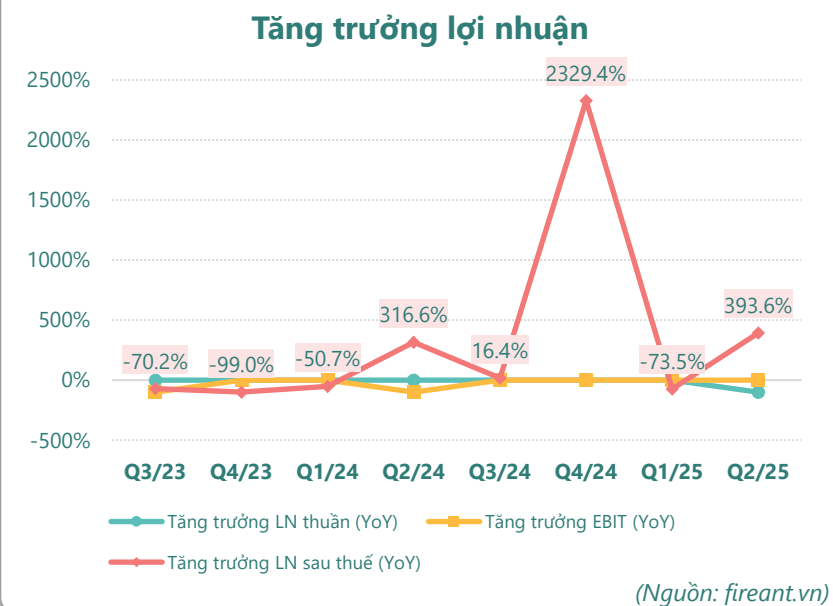
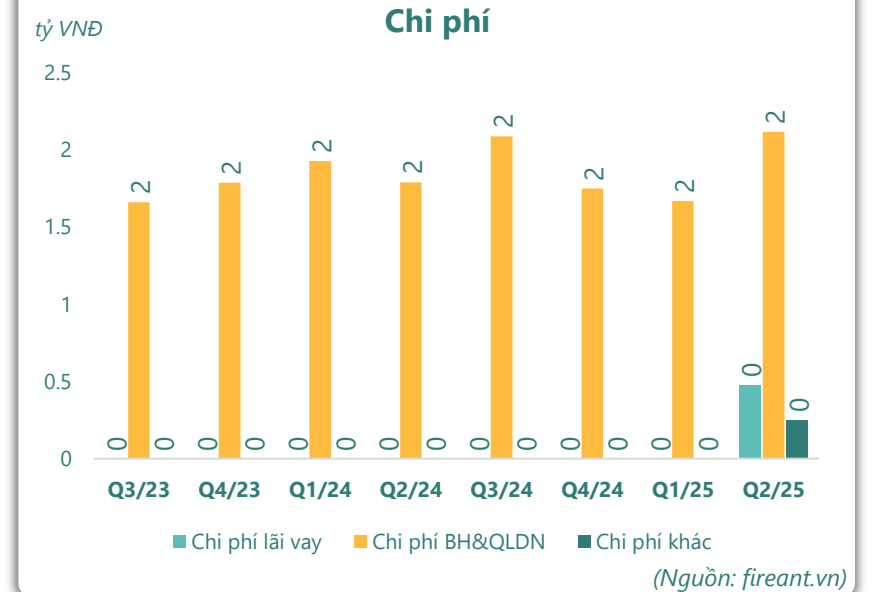
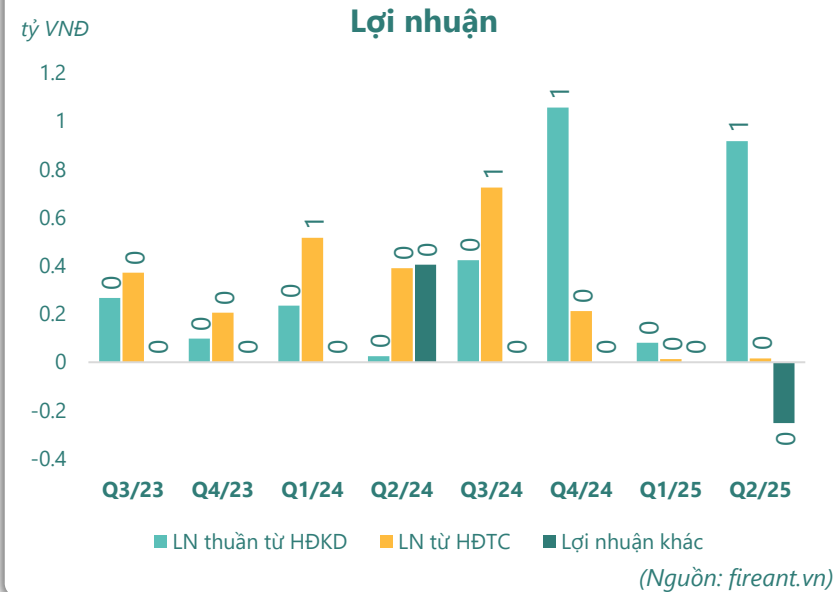
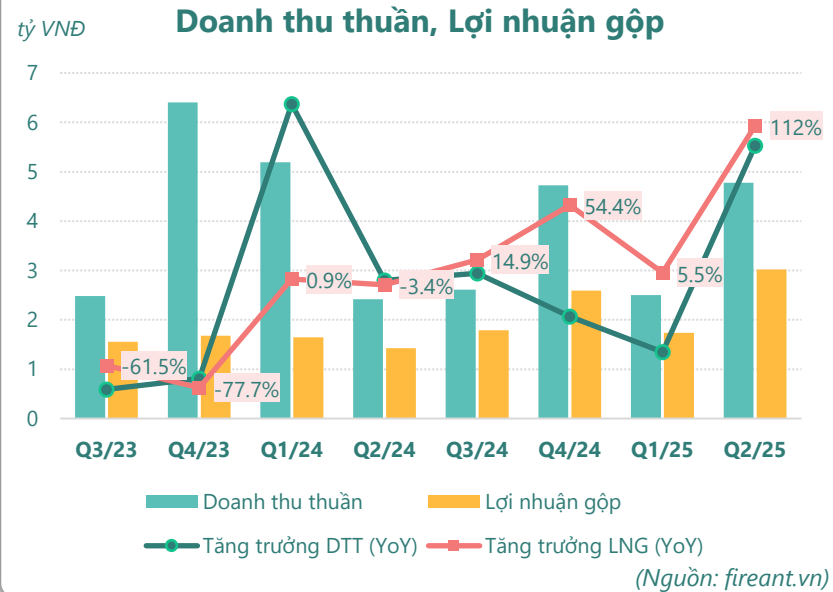
DT thuần 6T 2025
7.28
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.33 -4.4%

LN thuần 6T 2025
1.00
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.74 285%

LN sau thuế 6T 2025
0.62
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.04 6.9%



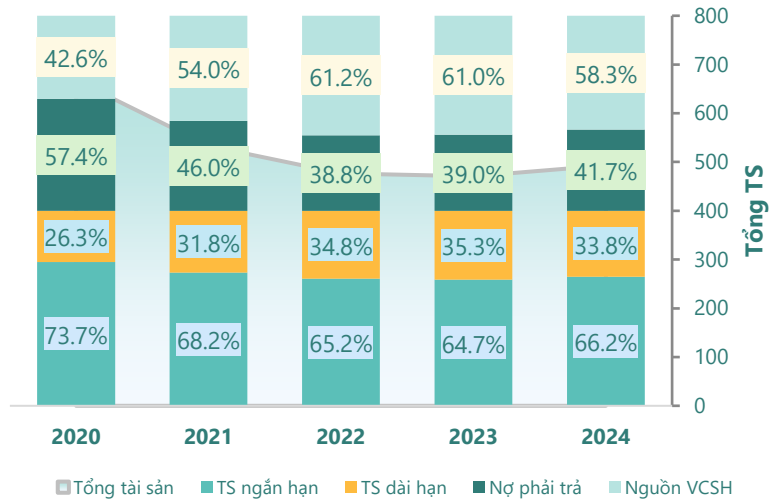
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

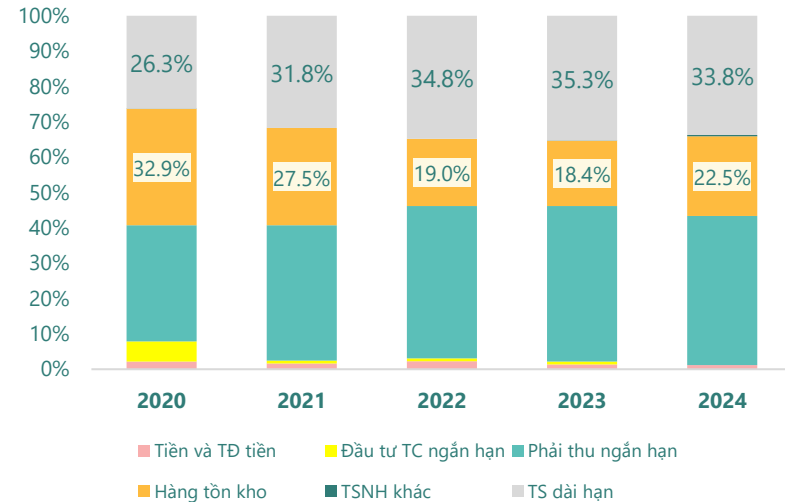
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

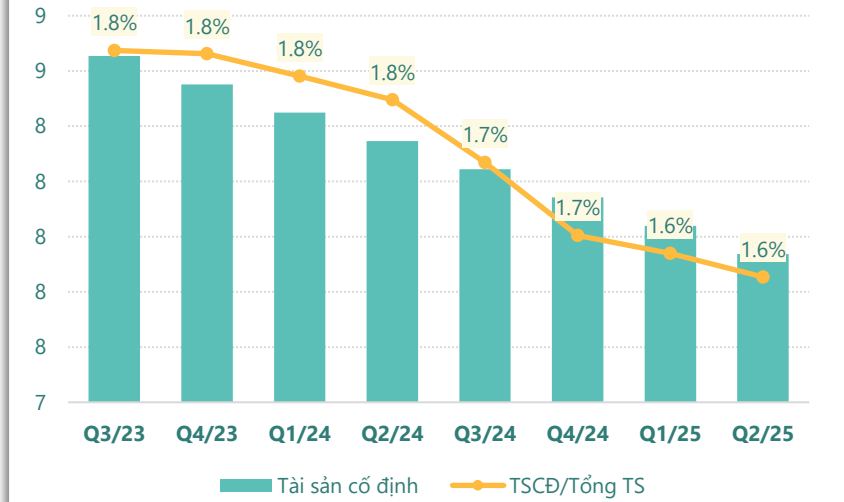
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

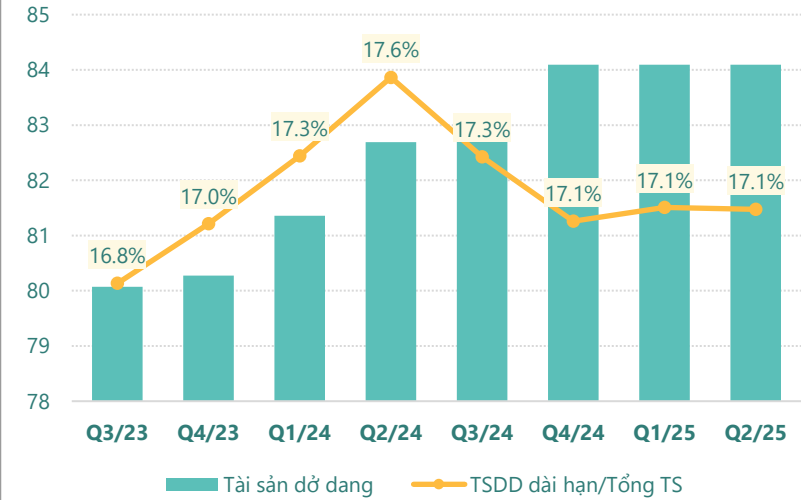
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

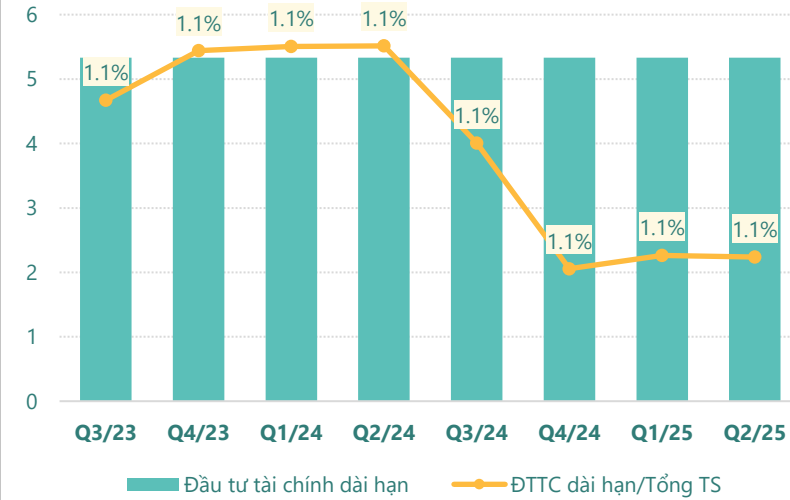
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

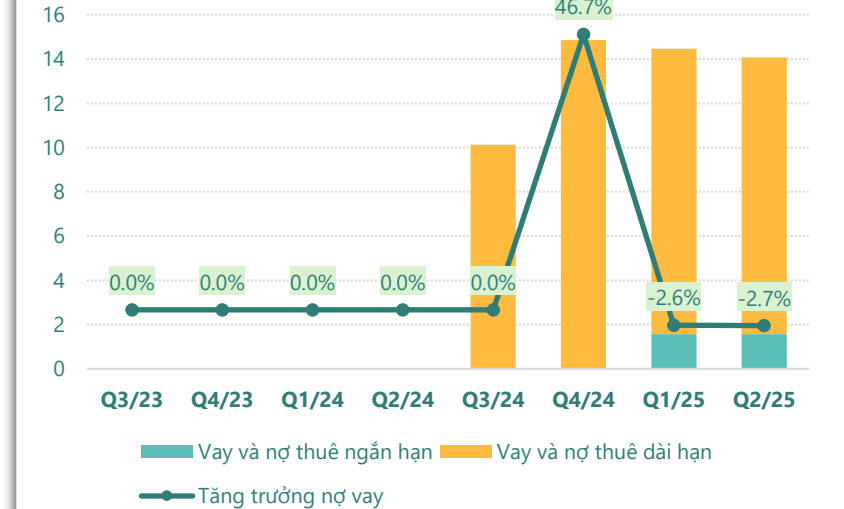
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

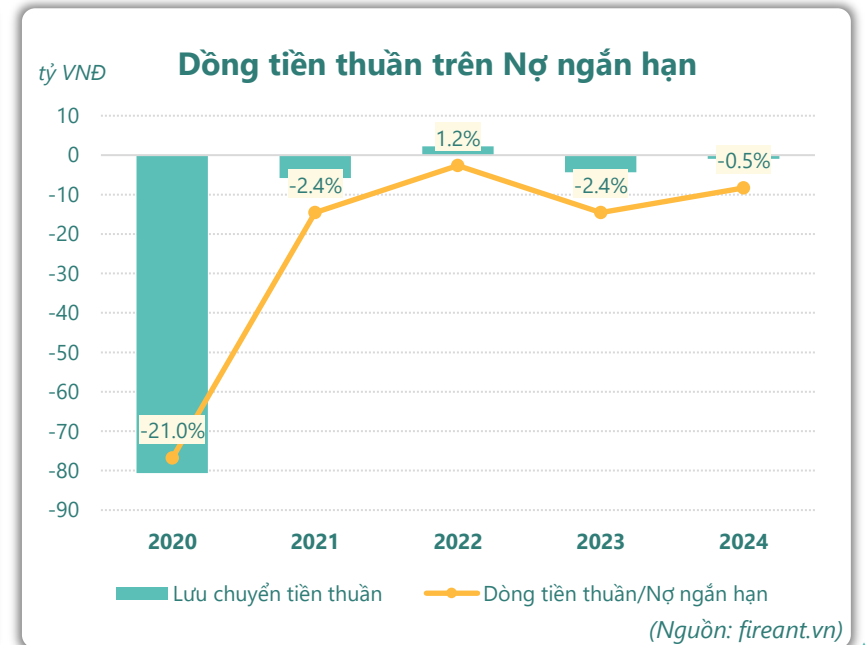
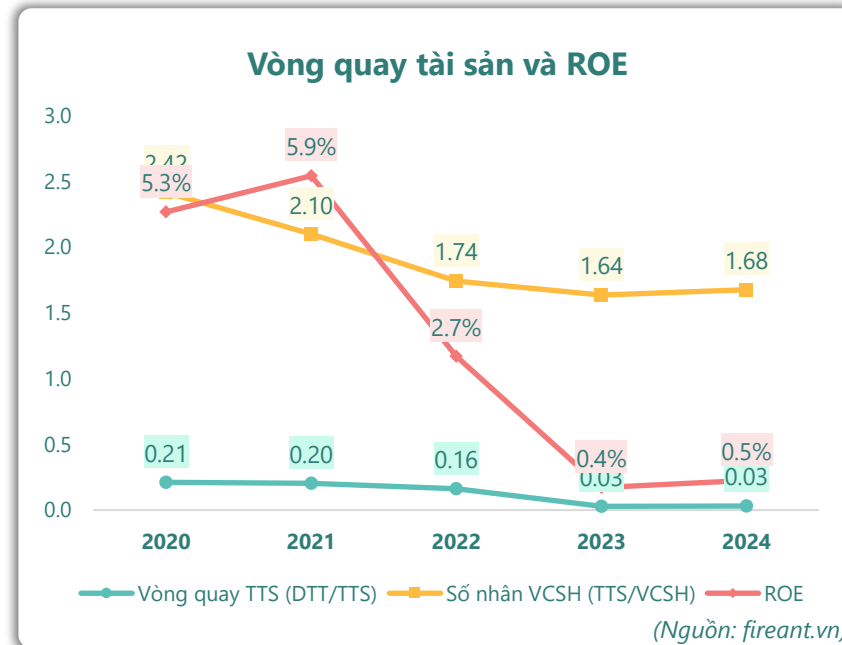
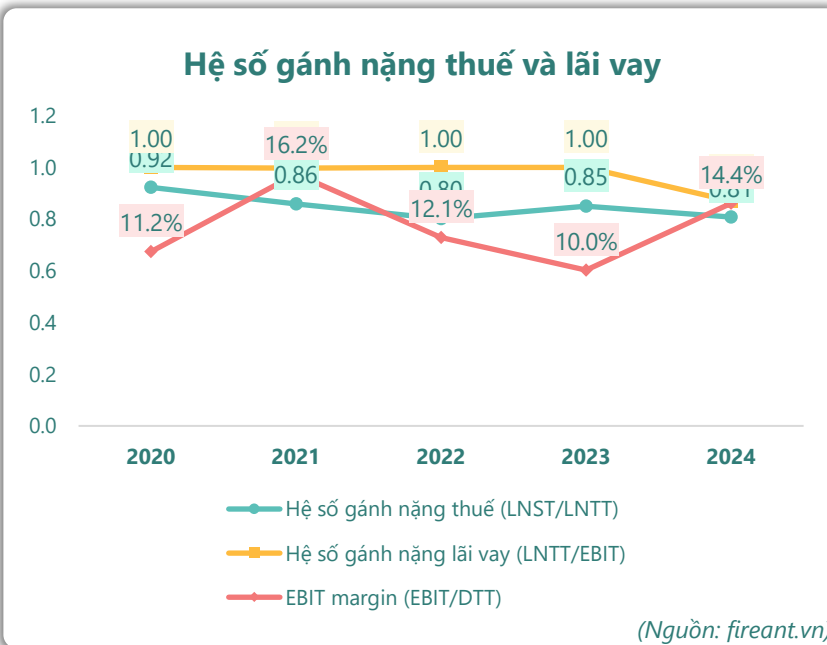
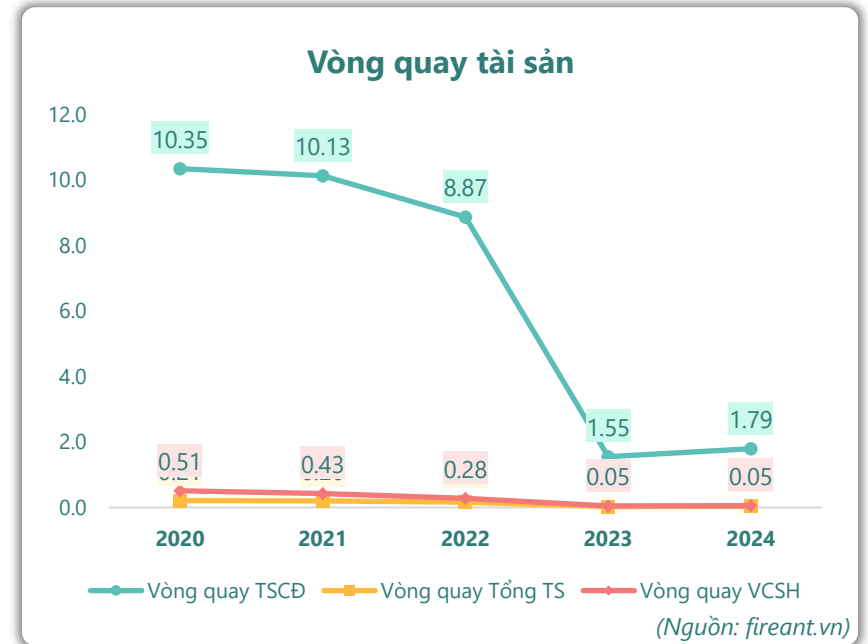
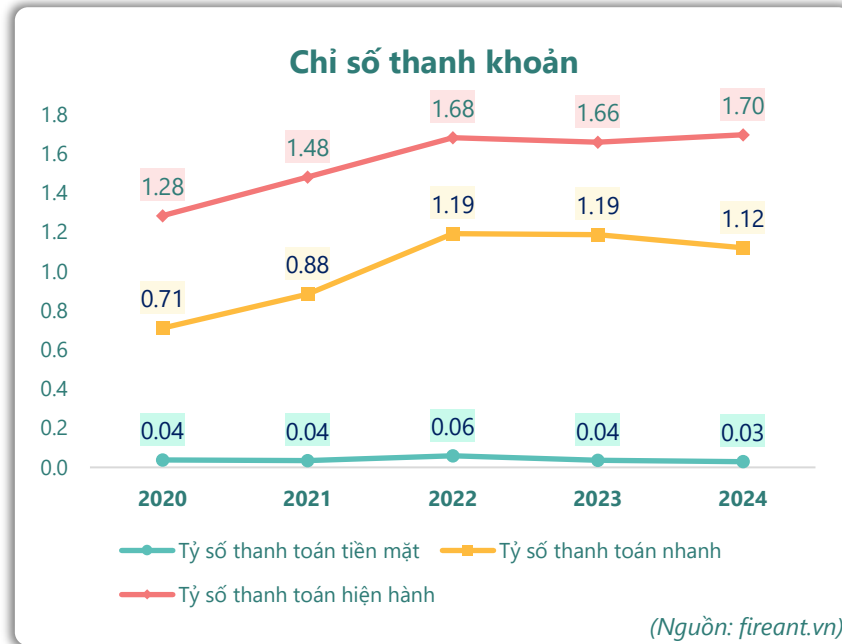
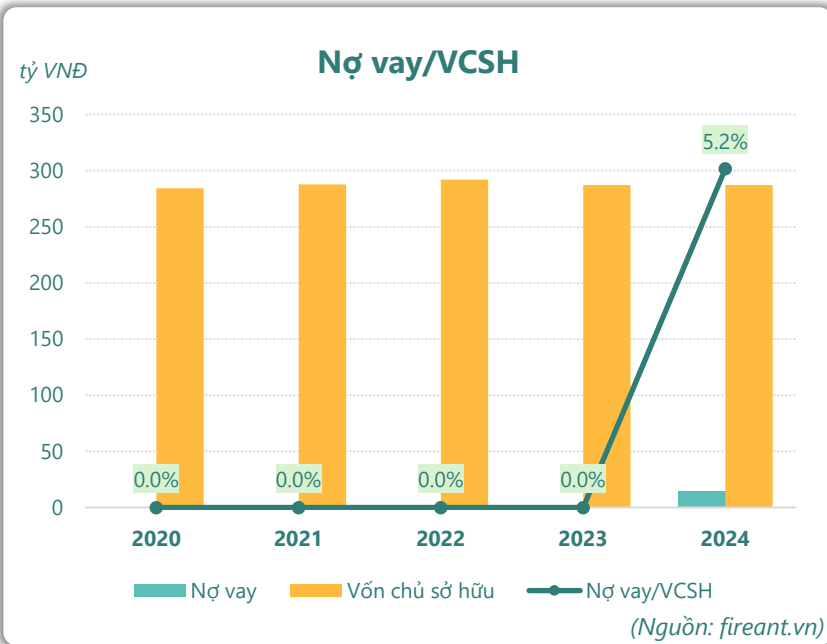
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	4.77	2.42	97.3%	7.28	7.61	-4.4%
Giá vốn hàng bán	1.75	0.99	77.1%	2.52	4.53	-44.5%
Lợi nhuận gộp	3.02	1.43	111%	4.76	3.07	54.8%
Doanh thu HĐTC	0.49	0.44	12.4%	0.51	0.72	-29.6%
Chi phí TC	0.48	0.05	857%	0.48	-0.18	360%
Chi phí lãi vay	0.48	0.00		0.48	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.12	1.79	18.4%	3.79	3.72	1.9%
LN thuần từ HĐKD	0.92	0.02	4490%	1.00	0.26	285%
Lợi nhuận khác	-0.25	0.41	-161%	-0.25	0.41	-162%
LN trước thuế	0.67	0.43	54.9%	0.75	0.66	12.4%
Lợi nhuận sau thuế	0.56	0.41	35.8%	0.62	0.58	6.9%
LNST của CĐ cty mẹ	0.56	0.41	35.8%	0.62	0.58	6.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.78	-0.47	-10.5	-6.34	-0.62	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.04	0.05	0.47	0.14	0.01	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	10.1	4.73	-0.39	-0.39
Tiền đầu kỳ	6.55	7.37	6.96	7.06	5.59	4.59
Lưu chuyển tiền thuần	0.82	-0.42	0.10	-1.47	-1.00	-0.36
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.37	6.96	7.06	5.59	4.59	4.22

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	492	493	-0.2%
Tài sản ngắn hạn	327	326	0.3%
Tiền và tương đương tiền	4.22	5.59	-24.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	211	208	1.4%
Hàng tồn kho	111	111	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.26	1.82	-30.7%
Tài sản dài hạn	164	166	-1.2%
Phải thu dài hạn	27.2	27.2	0.0%
Tài sản cố định	7.94	8.14	-2.5%
Bất động sản đầu tư	40.0	41.7	-4.2%
Tài sản dở dang	84.1	84.1	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.33	5.33	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	206	206	0.0%
Nợ ngắn hạn	193	192	0.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.56	1.56	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.1	10.1	0.0%
Nợ dài hạn	12.5	13.3	-5.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.5	13.3	-5.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	286	287	-0.4%
Vốn chủ sở hữu	286	287	-0.4%
Vốn điều lệ	139	139	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

